



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3127.1954>

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI NĂM 1960 Ở TỈNH KIẾN PHONG

Lê Đình Trọng¹, Trần Nguyễn Ngọc Linh Đa^{2*}, Nguyễn Thị Nở²
và Phan Thúy Thanh²

¹Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Sinh viên, Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: 0022410189@student.dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 10/02/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 21/5/2026; Ngày duyệt đăng: 27/5/2026

Tóm tắt

Bài báo tập trung nghiên cứu sự chuyển hướng chiến lược trong phương pháp đấu tranh của cách mạng tại tỉnh Kiến Phong (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) giai đoạn 1959-1960. Thông qua phương pháp lịch sử, phương pháp logic và phê bình sử liệu đối với các nguồn tài liệu lưu trữ, nghiên cứu làm rõ quá trình vận động từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang kết hợp đấu tranh vũ trang dưới tác động của Nghị quyết 15. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung không chỉ là một sự kiện quân sự đơn lẻ mà là hệ quả tất yếu của việc xây dựng lực lượng tại chỗ và sự linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược của Đảng bộ địa phương. Bài báo đóng góp một góc nhìn học thuật về đặc điểm riêng biệt của phong trào Đồng khởi tại vùng trọng điểm Trung Nam Bộ, cung cấp thêm tư liệu thực chứng cho lịch sử kháng chiến tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: 1959-1960, Đồng khởi, Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, Kiến Phong, Nghị quyết 15.

Trích dẫn: Lê, Đ. T., Trần, N. N. L. Đ., Nguyễn, T. N., & Phan, T. T. (2026). Phong trào Đồng Khởi năm 1960 ở tỉnh Kiến Phong. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-12. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3127.1954>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE 1960 DONG KHOI MOVEMENT IN KIEN PHONG PROVINCE

**Le Dinh Trong¹, Tran Nguyen Ngoc Linh Da^{2*}, Nguyen Thi No²,
and Phan Thuy Thanh²**

¹*Faculty of Social Sciences Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Viet Nam*

²*Student, Faculty of Social Sciences Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Viet Nam*

**Corresponding author, Email: 0022410189@student.dthu.edu.vn*

Article history

Received: 10/02/2026; Received in revised form: 21/5/2026; Accepted: 27/5/2026

Abstract

This paper examines the strategic shift in revolutionary struggle methods in Kien Phong Province (now as part of Dong Thap Province) during the 1959–1960 period. Employing historical and logical approaches, together with source criticism of archival documents, the study clarifies the transition from purely political struggle to the combination of political and armed struggle under the influence of Resolution 15. The findings reveal that the victory at Giong Thi Dam – Go Quan Cung was not merely an isolated military event, but it was the inevitable outcome of local force-building efforts and the flexible strategic leadership of the provincial Party Committee. The paper contributes a scholarly perspective on the distinctive characteristics of the Dong Khoi movement in the strategic region of South Central Vietnam, while also providing additional empirical evidence for the history of the resistance war in the Mekong Delta.

Keywords: *1959-1960, Dong Khoi movement, Giong Thi Dam - Go Quan Cung, Kien Phong, Resolution 15.*

1. Giới thiệu

Trong tiến trình cách mạng miền Nam, phong trào Đồng khởi 1959-1960 được xem là một bước ngoặt lịch sử quan trọng, đánh dấu sự chuyển biến từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Tại địa bàn tỉnh Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp), dưới tác động sâu sắc từ các chính sách đàn áp của chính quyền Mỹ - Diệm như Luật 10/59 và Dụ số 57, mâu thuẫn xã hội đã bị đẩy lên đỉnh điểm, tạo tiền đề cho sự bùng nổ của các phong trào đấu tranh quyết liệt. Trước bối cảnh đó, việc vận dụng sáng tạo Nghị quyết 15 của Trung ương vào thực tiễn địa phương đã trở thành kim chỉ nam cho sự chuyển hướng từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang kết hợp đấu tranh vũ trang. Nghiên cứu về phong trào Đồng khởi tại Đồng Tháp đã được ghi nhận qua nhiều công trình lịch sử và tài liệu lưu trữ quan trọng. Tiêu biểu có thể kể đến: Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, Tập II (1954-1975) cung cấp cái nhìn hệ thống về quá trình lãnh đạo và xây dựng lực lượng tại địa phương. Công trình của (Cao & cs., 1981) tập trung tìm hiểu sâu về bản chất và các số liệu thực chứng của cao trào Đồng khởi miền Nam. Nghiên cứu của (Thái, 2014) về quá trình giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng tại Kiến Phong giai đoạn 1954-1960. Các tài liệu lịch sử địa phương như Lịch sử truyền thống cách mạng huyện Tháp Mười và Lịch sử Đảng bộ thành phố Sa Đéc đã làm rõ đặc điểm riêng biệt của phong trào tại từng huyện, thị. Bên cạnh đó, các báo cáo từ Trung tâm lưu trữ quốc gia II đã cung cấp những tư liệu khách quan về phản ứng của chính quyền đương thời trước sự lớn mạnh của cách mạng. Bài viết này tập trung phân tích sự chuyển hướng chiến lược trong phương pháp đấu tranh của Đảng bộ tỉnh Kiến Phong, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của chiến thắng Giồng Thị Đam – Gò Quản Cung như một “phát pháo hiệu” cho cao trào Đồng Khởi. Thông qua việc tổng hợp các công trình đi trước, nghiên cứu không chỉ làm rõ tính đa dạng, năng động của phong trào tại Đồng Tháp mà còn khẳng định đóng góp của địa phương vào thắng lợi chung của cách mạng Trung Nam Bộ.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Tỉnh ủy Kiến Phong

2.1.1. Bối cảnh miền Nam Việt Nam trước phong trào Đồng khởi

Sau Hiệp định Giơnevê (1954), chính quyền Mỹ - Diệm từng bước thiết lập bộ máy thống trị độc tài, tiến hành các chiến dịch bình định và phát xít hóa đời sống chính trị - xã hội tại miền Nam Việt Nam. Nổi bật, Luật 10/59 (5/1959) lập các tòa án quân sự đặc biệt và sử dụng máy chém đàn áp phong trào yêu nước, đặt Cộng sản ngoài vòng pháp luật. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vạch rõ: “Chế độ pháp lý của đạo luật 10/59 là một chế độ vô cùng tàn bạo chưa từng có và áp dụng trong bất cứ nước nào ngay cả dưới chế độ đã man của Hítler trong thời kì chiến tranh” (Cao & cs., 1981, tr. 61). Đây là một hình thức cực đoan và cũng là nguồn cơn dẫn đến sự áp bức và áp lực bị đè nén nặng nề lên đời sống của nhân dân.

Theo thống kê, “từ năm 1954 đến 1959, ở miền Nam đã có 466.000 người cộng sản và yêu nước bị bắt, 400.000 người bị tù đày, 68.000 người bị giết” (Cao & cs., 1981, tr. 63). Những con số này đã cho thấy được sự khủng hoảng của chính quyền trước sự phát triển âm thầm của lực lượng cách mạng, đồng thời đã đẩy mâu thuẫn xã hội lên cao, bất bình sâu sắc với chính quyền Mỹ - Diệm. Trước sự dồn nén này đã tạo nên một “tình thế cách mạng” chín muồi, nơi mà quần chúng nhân dân bị áp bức đã nhận thức được rằng không thể sống như trước được và bắt buộc phải thay đổi căn bản. Thực tiễn này phản ánh đúng quy luật cách mạng mà V.I.Lênin đã khái quát trong tác phẩm Bệnh ấu trĩ trong phong trào cộng sản: “Muốn có cách mạng thì việc quần chúng bị áp bức và bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa và [...]. Chỉ khi nào ‘những người bên dưới’ không muốn tiếp tục sống như trước nữa, và những kẻ bên trên cũng không thể cứ tiếp tục sống như trước nữa, thì khi ấy cách mạng mới thắng lợi” (Cao & cs., 1981, tr. 60).

2.1.2. Bối cảnh Đồng Tháp (Kiến Phong) trước phong trào Đồng khởi

Giai đoạn (1954-1959), tại Kiến Phong (nay là tỉnh Đồng Tháp) có những biến đổi trên những tích tụ mâu thuẫn sâu sắc và là tiền đề tất yếu dẫn đến bùng nổ phong trào Đồng khởi năm 1960. Sau Hiệp định Giơnevơ chuyển quân tập kết ra Bắc, quân kháng chiến rút đi tạo nên khoảng trống quyền lực ở những vùng giải phóng cũ tạo điều kiện cho chính quyền Mỹ - Diệm mở rộng kiểm soát, gia tăng hoạt động đàn áp. Thực trạng này đã gây nên tâm lý dao động, lo âu trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Tài liệu Đảng bộ địa phương đã ghi nhận: “Lúc bấy giờ nhiều người lo lắng rằng chính quyền của ta rút đi thì vùng giải phóng sẽ rơi vào tay địch ta sẽ ở thế yếu còn địch sẽ thắng tay đàn áp [...] cố nông sợ bị mất đất do chính quyền cách mạng cấp cho bị bóc lột như cũ” (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 15).

Chính quyền Mỹ - Diệm đã đẩy mạnh chiến lược “khủng bố trắng”, lập hệ thống đồn bót, tề xã trên diện rộng. Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Đồng Tháp có chỉ rõ: “Bộ đội ta tập kết ra Bắc địch đã đóng đồn ở nhiều nơi, bắn giết, cướp bóc ở Tân Hồng, xuyên tạc hiệp định Giơnevơ, phá rối khu tập kết, bắt cán bộ, ... Ở Tân Hồng địch dựng bộ máy tề ở xã (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 32). Đặc biệt, vụ việc thảm sát Bình Thành do lính bảo an cướp bóc, sát hại người dân, bị quần chúng tố giác và đòi phải bồi thường thiệt mạng, phá tượng đài liệt sĩ, âm mưu bóc lột cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, ... những hành động đó của chính quyền Mỹ - Diệm đã làm cho nhân dân nhìn rõ được bản chất và tội ác của chúng lúc bấy giờ.

Song với đàn áp chính trị thì chính quyền Mỹ - Diệm còn tiến hành bình định quy mô lớn: lập phân khu Đồng Tháp Mười, chi khu quân sự, mở chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” cường bức lập tờ khai, truy lùng người kháng chiến cũ, lập các khu trù mật, khu dinh điền. “Từ năm 1957 thì chính quyền Diệm cho xây khu dinh điền ở Đồng Tháp Mười, sửa chữa lộ và khai thông nhiều kinh mới, chúng ra dụ số 57 “cải cách điền địa” nhằm “hữu sản hóa nông dân” nhằm xóa bỏ thành quả cách mạng của nhân dân ta, tăng thu tô thuế, ra thuế mới như thuế bình định” (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 47-48). Điển hình là việc ban hành dụ số 57 “về cải cách điền địa” nhằm tước đoạt ruộng đất khôi phục quyền lợi của địa chủ. Tại quận Cao Lãnh mâu thuẫn nông dân đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ quyền canh tác, buộc địa chủ giảm tô thuế. Điển hình là: “Các phong trào buộc địa chủ giảm tô từ 80 đồng xuống 60 đồng trên/công, hay phản kháng việc tăng thuế nền nhà trên các đình thần giảm từ 2 cắc 1 thước xuống còn 1 cắc rưỡi” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957, ĐICH/4539).

Tinh thần đấu tranh và sự mâu thuẫn gay gắt được đúc kết sinh động, phản ánh rõ những hành động tàn bạo của chính quyền Mỹ - Diệm và nỗi khổ của nông dân qua bài ca dao sau: “Ai về Cao Lãnh Kiến Phong / Hỏi thăm ruộng đất nhà nông thế nào? / Đáp rằng Mỹ Diệm mưu sâu / Hiệp cùng địa chủ đè đầu nông dân / Ý quyền ý thế hung hăng / Tăng tô lấy đất khó khăn đủ điều / Nông dân kiên quyết sớm chiều / Đấu tranh bền bỉ chẳng xui ngã hàng / Vừa qua mấy vụ thành công / Đất vườn đất ruộng nhà nông giữ tròn / Còn trời, còn đất, còn non / Còn phường Mỹ Diệm, ta còn đấu tranh” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1957, ĐICH/4539).

Các báo cáo an ninh của chính quyền địa phương, vốn được xây dựng từ lập trường của bên cầm quyền, đã gián tiếp thừa nhận rằng trật tự xã hội đang bị thách thức nghiêm trọng, khi các hoạt động vũ trang, quấy rối và xung đột xảy ra trên diện rộng, tác động trực tiếp đến cả lực lượng chính quyền lẫn đời sống dân cư. Điều này cho thấy hiệu quả hạn chế của các biện pháp bình định đã triển khai trước đó (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1959, ĐICH/319). Trước thực trạng không đạt được mục tiêu triệt phá cơ sở cách mạng, chính quyền Sài Gòn tại Kiến Phong đã lựa chọn cách tiếp cận mang tính leo thang, kết hợp đồng thời các biện pháp quân sự, hành chính và kinh tế - xã hội. Việc huy động lực lượng quân đội chính quy, mở rộng hệ thống bảo an và biệt động, cùng với các chiến dịch càn quét kéo dài, phản ánh nỗ lực tái lập quyền kiểm soát bằng sức mạnh cưỡng chế. Song song với đó, chính sách quy khu, quy ấp, lập dinh điền và khu trù mật không chỉ nhằm mục tiêu an ninh mà còn hướng đến tái cấu trúc

không gian xã hội, qua đó tách quần chúng khỏi ảnh hưởng của cách mạng. Tuy nhiên, chính sự mở rộng đồng loạt các biện pháp này lại cho thấy mức độ bất ổn mà chính quyền phải đối mặt, buộc họ phải dựa ngày càng nhiều vào biện pháp cưỡng bức thay vì sự đồng thuận xã hội.

Đặc biệt, trong bản Nguyệt trình tháng 9 nhấn mạnh rằng khi gặp trở ngại về chính trị, lực lượng cách mạng sẽ bám vào các thắng lợi quân sự để đẩy mạnh tuyên truyền. Minh chứng cụ thể được phía chính quyền tỉnh Kiên Phong ghi lại là sự việc xảy ra vào ngày 04/9/1959, khi lực lượng vũ trang dùng đạn vòng cầu bắn gần Xáng “Chợ Lách” đang hoạt động tại Gây Cờ Đen (Mỹ An), làm một nhân viên phụ xạ bị thương nhẹ. Những hoạt động này, cùng với trận chạm súng ngày 26/9, đã được phía đối phương đánh giá là nhằm mục đích vừa lôi kéo quần chúng, vừa hăm dọa để phục vụ các hoạt động kinh tài (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1959, ĐICH/319).

Những chính sách đàn áp, bóc lột của chính quyền Mỹ – Diệm đã đẩy tình trạng mâu thuẫn giữa nhân dân và chính quyền tay sai lên mức cao nhất. Được thể hiện rõ: “Từ năm 1957-1959 ta đã lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của nông dân chống Dụ số 57 bằng nhiều hình thức, cách thức khác nhau tính từ năm 1957 đến 1959 có 78 cuộc đấu tranh lớn nhỏ với 15 vạn lượt người tham gia” (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 51). Trước sự vây quét khốc liệt, Tinh ý Kiên Phong nhận định đấu tranh chính trị đơn thuần không đủ hiệu quả phải kết hợp với vũ trang để tự vệ và bảo toàn cơ sở. Tinh ủy đã khôi phục, củng cố lực lượng vũ trang trên danh nghĩa nguy trang giáo phái Tiểu đoàn Đinh Bộ Lĩnh, Bình Xuyên 2. Việc mượn danh nghĩa này không chỉ giúp che giấu bản chất lực lượng cách mạng, tránh sự tập trung chú ý của địch mà còn tạo điều kiện để bảo toàn đội ngũ cán bộ nòng cốt, sẵn sàng chuyển mình khi thời cơ đến.

Mặc dù Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng mới chỉ ở giai đoạn thống nhất, thông qua và chưa được phổ biến chính thức bằng văn bản đến các cấp cơ sở, song tinh thần cho phép sử dụng bạo lực vũ trang tự vệ đã được ngầm truyền đạt thông qua các hướng dẫn ngầm của Xứ ủy. Nhảy bèn nắm bắt “luồng sinh khí mới” này, Tinh ủy Kiên Phong đã chủ động đẩy mạnh xây dựng lực lượng, tạo tiền đề trực tiếp dẫn đến chiến thắng vang dội tại trận Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung (tháng 9/1959). Sự chuẩn bị âm thầm, linh hoạt này chính là bệ phóng trực tiếp dẫn đến Chiến thắng này. Trong trận đánh, dù chỉ với một đại đội tăng cường gồm 42 tay súng, lực lượng địa phương đã mưu trí đối đầu với cánh quân càn quét quy mô lớn của địch xuất phát từ quận lỵ Hồng Ngự. Qua theo dõi, Ban chỉ huy Đại đội Bảy Phú (Tiểu đoàn 502) nhảy bèn phát hiện điểm yếu cốt lõi của đối phương trên địa hình sông nước: “Qua quan sát ta nắm được chúng không quen bơi xuồng chiến đấu trên dòng nước (đội hình dòn cục, xuồng nọ đụng xuồng kia, la hét om sòm), nếu ta bất ngờ nổ súng thì nhất định chúng sẽ bị lật xuồng, khó bề chống đỡ” (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 63).

Trong trận đánh này, lực lượng ta đã sáng tạo tận dụng triệt để lợi thế ấy, sử dụng xuồng ba lá kết hợp thân cây chuối, bao trâu làm công sự nổi, kiên nhẫn chờ địch lọt vào trận địa phục kích ở khoảng cách gần trên dưới 10 mét mới đồng loạt nổ súng. Bị tấn công bất ngờ, đội hình địch rối loạn nghiêm trọng; chỉ sau 20 phút giao đấu quyết liệt, hệ thống xuồng của địch bị đánh chìm hàng loạt. Kết quả tại mặt trận Giồng Thị Đam, lực lượng ta đã làm chủ hoàn toàn trận địa, “số bị bắt 75 tên trong đó có Đại úy Phán Tiểu đoàn phó chỉ huy cánh quân A (D3/43)” (Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020, tr. 64) và thu giữ 86 khẩu súng. Nghệ thuật tác chiến linh hoạt này đã giúp quân dân Kiên Phong đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét lớn của Mỹ – Diệm, khẳng định sức mạnh vượt trội của lực lượng vũ trang địa phương. Chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung vào tháng 9/1959 (diễn ra trước khi Nghị quyết 15 được phổ biến chính thức đến toàn tỉnh vào cuối năm 1959) chính là minh chứng hùng hồn nhất cho tinh thần chủ động, sáng tạo, “đi trước một bước” của Tinh ủy Kiên Phong. Đây không chỉ là thắng lợi quân sự, mà là bài kiểm tra năng lực tác chiến thực tế, tạo tâm lý tự tin

và bộ phóng vũng chắc đê Kiến Phong hòa nhíp ngay lập tức vào làn sóng Đồng khởi toàn miền Nam năm 1960 mà không hề có một sự bờ ngỡ hay bị động.

Việc chính quyền Việt Nam Cộng hòa buộc phải ghi nhận những bất lợi về an ninh và chính trị trong Nguyệt trình tháng 9 năm 1959 cho thấy tác động thực tế và trực tiếp của thắng lợi quân sự này đối với bộ máy cai trị tại địa phương. Những đánh giá trong tài liệu lưu trữ phản ánh sự lo ngại trước khả năng lực lượng cách mạng tận dụng các thắng lợi quân sự để mở rộng tuyên truyền và gây ảnh hưởng trong quần chúng, qua đó cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị trong thực tiễn cách mạng Kiến Phong giai đoạn này (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1959, ĐICH/319).

Sau chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung, Tỉnh ủy Kiến Phong tiếp tục củng cố lực lượng chính trị và vũ trang, mở rộng cơ sở quần chúng và chuẩn bị điều kiện cho một cuộc nổi dậy rộng lớn hơn. Tinh thần kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đã được vận dụng linh hoạt tại địa phương, tạo nên bước đệm chuyển giao vũng chắc từ giai đoạn Tiền Đồng khởi sang cao trào mới. Đến cuối năm 1959, khi chủ trương Đồng khởi được Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy phổ biến chính thức, Kiến Phong đã hoàn thành công tác chuẩn bị chu đáo về cả thế và lực, sẵn sàng hòa nhíp và phát động phong trào Đồng khởi năm 1960 một cách chủ động, mạnh mẽ.

2.1.3. Chủ trương phát động Đồng khởi của Tỉnh ủy Kiến Phong

Quyết định của Tỉnh ủy Kiến Phong trong việc chuyển hướng phương thức đấu tranh phản ánh một bước chuyển quan trọng về tư duy lãnh đạo cách mạng, xuất phát từ nhận thức thực tiễn trước mức độ kìm kẹp, đàn áp ngày càng khốc liệt của chính quyền Mỹ - Diệm. Qua thực tế, cấp ủy địa phương nhận thấy phương thức đấu tranh chính trị đơn thuần không còn đủ khả năng bảo vệ phong trào. Việc chủ động lựa chọn con đường kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang là kết quả của sự cân nhắc kỹ lưỡng nhằm bảo toàn lực lượng và đáp ứng yêu cầu khách quan của cách mạng tại chỗ.

Tính chủ động, linh hoạt của Tỉnh ủy Kiến Phong được thể hiện rõ nét ngay trong giai đoạn giữ gìn và củng cố lực lượng (1955-1956). Trong điều kiện bị ràng buộc bởi các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ, địa phương đã khéo léo khai thác mâu thuẫn sâu sắc giữa chính quyền Mỹ - Diệm với các lực lượng giáo phái như Hòa Hảo và Bình Xuyên. Thay vì đối đầu trực diện, Tỉnh ủy lựa chọn giải pháp xây dựng các đơn vị vũ trang dưới danh nghĩa "giáo phái ly khai", đồng thời tận dụng nguồn vũ khí được chôn giấu từ thời kỳ tập kết. Nhiều đơn vị vũ trang địa phương đã lần lượt ra đời như Đại đội 402, Đại đội 510, lực lượng của Đại úy Hồng (sau hợp nhất thành Tiểu đoàn Đỉnh Bộ Lĩnh) và lực lượng Bình Xuyên (tổ chức lại thành Tiểu đoàn 2). Với phương thức hoạt động phân tán, tránh giao chiến lớn, tập trung vào công tác vũ trang tuyên truyền và trấn áp bộ máy tay sai ở cơ sở, các lực lượng này đã hoàn thành xuất sắc vai trò làm công cụ bảo vệ, nâng đỡ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Đến năm 1959, tư duy chủ động của địa phương hoàn toàn gãy gở và được tiếp sức bởi định hướng chiến lược mới của Đảng. Sau khi Hội nghị Trung ương 15 (tháng 01/1959) vạch rõ đường lối sử dụng bạo lực cách mạng, các đại biểu miền Nam đã nhanh chóng mang tinh thần này chuyển tải về chiến trường. Nhờ có sự chuẩn bị từ trước, ngay từ giữa năm 1959, tại Kiến Phong đã xuất hiện mũi đột phá bạo lực tiêu biểu qua trận Gò Quán Cung. Đến tháng 11/1959, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức hội nghị lần thứ 4 để quán triệt nội dung nghị quyết và xác định phương hướng phát triển lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho khởi nghĩa. Tiếp đó, tại các khu vực trọng điểm như Khu 8, các hội nghị liên tiếp được tổ chức nhằm cụ thể hóa chủ trương, phát động quần chúng nổi dậy trên diện rộng. Sau Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15, "Khu ủy Khu 8 chủ trương phát động các tỉnh miền Trung Nam Bộ đồng loạt khởi nghĩa vào ngày 15/01/1960" (Thái, 2014).

Tiếp thu tinh thần chỉ đạo chiến lược đó, Tỉnh ủy Kiến Phong đã khẩn trương biên đường lối thành hành động cụ thể thông qua những quyết định mang tính bước ngoặt tại Hội nghị Tam Thường (tháng 9/1959) do đồng chí Nguyễn Văn Phôi - Ủy viên Thường vụ Khu ủy, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị đã đưa ra những điều chỉnh chiến lược quan trọng: chuyển giao căn cứ Tam Thường (Hồng Ngự) cho Khu 8, đồng thời dời cơ quan Tỉnh ủy về Thiên Mỹ (Cao Lãnh) nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo, áp sát các địa bàn trọng điểm để chỉ đạo phong trào “phá kim”. Đặc biệt, cũng trong thời điểm này, Tiểu đoàn 2/BX được chính thức đổi phiên hiệu thành Tiểu đoàn 502. Sự kiện này mang ý nghĩa chính trị - quân sự to lớn, đánh dấu bước phát triển về chất của lực lượng vũ trang tỉnh khi thoát ly hoàn toàn khỏi danh nghĩa giáo phái để trở thành lực lượng vũ trang tập trung, chính quy của Đảng bộ tỉnh.

Từ thực tiễn triển khai, có thể khẳng định quá trình phổ biến Nghị quyết 15 tại Kiến Phong không đơn thuần là việc truyền đạt một văn kiện tư tưởng, mà thực chất là một tiến trình chuyển hóa đường lối chiến lược thành hành động cách mạng sinh động. Cuối năm 1959, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là phát động quần chúng nổi dậy phá thế kim kẹp ở nông thôn, kết hợp chặt chẽ giữa đòn bẩy chính trị và sự hỗ trợ nòng cốt của lực lượng vũ trang. Những chuẩn bị toàn diện về mặt tổ chức lãnh đạo, xây dựng lực lượng và củng cố niềm tin trong quần chúng nhân dân chính là tiền đề quyết định vững chắc, giúp Đảng bộ và nhân dân Kiến Phong sẵn sàng bước vào cao trào Đồng khởi bùng nổ mạnh mẽ vào đầu năm 1960.

2.2. Diễn biến phong trào Đồng khởi ở Kiến Phong năm 1960

2.2.1. Đợt nổi dậy đầu năm 1960

Sau quá trình xây dựng lực lượng và chuyển hướng đấu tranh cuối năm 1959, phong trào cách mạng ở Kiến Phong bước sang giai đoạn mới với sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng và hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang. Mục tiêu trọng tâm của phong trào không chỉ nhằm tiêu hao sinh lực đối phương mà chủ yếu hướng đến phá vỡ hệ thống kim kẹp ở nông thôn, giành quyền làm chủ ở cơ sở và mở rộng vùng ảnh hưởng của cách mạng.

Phong trào Đồng khởi tại địa bàn Đồng Tháp phát triển qua hai giai đoạn trọng điểm dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Kiến Phong, với trọng tâm là làm suy yếu và tiến tới phá vỡ hệ thống quản lý cơ sở của chính quyền đối phương.

Đợt 1 (tháng 01 năm 1960), phong trào bùng nổ bằng các đòn tiến công quân sự mở màn quyết liệt của Tiểu đoàn 502, đánh sập viển vọng đài Gò Tháp và cắt đứt hoàn toàn mạch máu giao thông tại bến phà Cao Lãnh. Thắng lợi quân sự này đã tạo hiệu ứng dây chuyền, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần quần chúng. Đến đêm 15/01/1960, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Kiến Phong, làn sóng nổi dậy đồng loạt dâng cao khắp các địa bàn. Đặc điểm nổi bật của giai đoạn này là sức mạnh áp đảo của bạo lực cách mạng đã làm tê liệt và tan rã từng mảng hệ thống kim kẹp của địch tại các vùng nông thôn trọng điểm.

Trong đợt nổi dậy này, quần chúng nhân dân tại các vùng nông thôn Kiến Phong đã vận dụng linh hoạt và sáng tạo các công cụ đấu tranh thô sơ để nghi binh, uy hiếp tinh thần đối phương. Hàng ngàn người dân rầm rộ xuống đường kết hợp tiếng trống, tiếng mõ, tù và vang dội để biểu dương lực lượng. Đặc biệt, để khắc phục tình trạng thiếu hụt vũ khí, nhân dân tại các xã điểm như Phong Mỹ, Mỹ Ngãi (quận Cao Lãnh), Tân Phú (quận Thanh Bình) và Mỹ Hòa (quận Mỹ An) đã mưu trí sử dụng các loại súng giả làm bằng bẹ chuối phối hợp cùng các đội du kích mật tiến hành bao vây đồn bốt, phát động binh vận, khiến lực lượng tê xã, tê ấp hoang mang cực độ, đánh mất hoàn toàn ý chí chống cự và buộc phải đầu hàng hoặc bỏ trốn.

Tại xã Tân Phú (quận Thanh Bình), ngay ngày 15/01/1960, quân dân Tân Phú đồng loạt

nổi dậy diệc ác, phá kèm kẹp. Huyện ủy chọn địa phương này làm điểm phát động phong trào Đồng khởi. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các cán bộ như Huỳnh Dân, Lê Văn Nghi, Sáu Sơn và Thanh Phương đã họp bàn xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho cuộc nổi dậy. Công tác tổ chức được tiến hành khá chặt chẽ: chi bộ tổ chức học tập đường lối, đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân, rải truyền đơn, treo biểu ngữ, đồng thời nắm tình hình địa phương và phân loại hệ thống tề xã. Bên cạnh đó, hoạt động binh vận cũng được tăng cường. Một số cán bộ và lực lượng vũ trang cấp huyện được điều về hỗ trợ, tạo điều kiện để Tân Phú trở thành điểm khởi phát của phong trào. Trong quá trình đó, lực lượng vũ trang và quần chúng cùng tham gia phá khu trừ mật, bao vây và triệt hạ đồn Cả Nga, đồng thời xử lý một số nhân vật cầm đầu và giành quyền kiểm soát ấp Tân Mỹ. Đồng khởi tại Tân Phú “kéo dài 3 ngày, dài nhất ở các xã trong huyện Thanh Bình” (Ban chấp hành Đảng bộ Thanh Bình, 1999, tr. 102) và sau đó lan sang nhiều xã khác của huyện Thanh Bình, khiến hệ thống kiểm soát ở một số địa bàn bị tan rã, nhiều viên chức địa phương rời bỏ vị trí hoặc đầu thú.

Sự phát triển liên hoàn của phong trào Đồng khởi năm 1960 tại tỉnh Kiến Phong còn được ghi dấu ấn rõ nét tại địa bàn quận Thanh Bình (khu vực Tam Nông ngày nay). Tại đây, phong trào diễn ra thông qua sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang nhằm từng bước phá vỡ hệ thống kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở nông thôn. Từ cuối năm 1959, Huyện ủy đã chuyển cơ quan chỉ đạo về khu vực Bắc Dầu để trực tiếp phát động phong trào, đồng thời lựa chọn xã Tân Phú làm địa bàn chỉ đạo điểm do đây là nơi tập trung nhiều cơ quan của quận Thanh Bình. Đêm 15/01/1960, tại ấp Mỹ Tân, quần chúng nhân dân tổ chức mít tinh với khoảng 400 người tham gia, sau đó phát triển thành hoạt động tuần hành biểu dương lực lượng, góp phần làm tan rã một số tổ chức của chính quyền Sài Gòn như “Thanh niên Cộng hòa, Thanh nữ Cộng hòa” (Đảng ủy huyện Tam Nông, 2007, tr. 135-136). Sau các hoạt động mở đầu tại Tân Phú, phong trào tiếp tục lan rộng sang nhiều địa bàn như Đường Thét, Cẩn Đất, các khu Dinh Điền, Khu 3 (Phú Thành), Khu 4 (Tràm Chim), Tân Công Sinh, Khu 5, Gò Mười Tái (Phú Cường), làm cho hệ thống kiểm soát của chính quyền cơ sở suy giảm đáng kể; theo tài liệu địa phương, lực lượng cách mạng đã “giành quyền làm chủ được 2/3 số xã trong huyện” (Đảng ủy huyện Tam Nông, 2007, tr. 138). Trong quá trình phát triển phong trào, lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục giữ vai trò hỗ trợ đấu tranh chính trị; tiêu biểu là trận chống càn ngày 9/2/1960 tại kinh Bắc Dầu của Trung đội 1 thuộc Đại đội 271, Tiểu đoàn 502 phối hợp với du kích địa phương, trong đó “địch chết và bị thương trên 80 tên”, ta “thu được 5 súng các loại”, phía cách mạng “có hai chiến sĩ hy sinh và năm bị thương” (Đảng ủy huyện Tam Nông, 2007, tr. 137-138). Nhìn chung, phong trào Đồng khởi tại địa bàn quận Thanh Bình đã góp phần làm suy giảm hiệu lực hoạt động của hệ thống chính quyền cơ sở, mở rộng ảnh hưởng của cách mạng tại nông thôn và tạo cơ sở chính trị, tổ chức cho phong trào cách mạng ở Kiến Phong trong những năm đầu thập niên 1960.

Trong tiến trình này, lực lượng vũ trang địa phương giữ vai trò hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị thông qua các hoạt động bảo vệ cán bộ, uy hiếp các vị trí kiểm soát của đối phương và hỗ trợ quần chúng phá thế kìm kẹp ở nông thôn. Phương thức hoạt động chủ yếu là phân tán lực lượng, tránh đối đầu quân sự quy mô lớn và tập trung hỗ trợ phong trào chính trị ở cơ sở. Tại nhiều địa bàn, phong trào đấu tranh đã làm cho bộ máy chính quyền cơ sở của đối phương rơi vào tình trạng suy yếu. Một số trường ấp, tề xã dao động hoặc bỏ vị trí hoạt động; nhiều khu vực nông thôn xuất hiện tình trạng chính quyền địa phương mất dần khả năng kiểm soát. Điều này tạo điều kiện để lực lượng cách mạng mở rộng phạm vi hoạt động và củng cố cơ sở chính trị trong quần chúng nhân dân.

2.2.2. Phong trào lan rộng và sự tan rã của hệ thống chính quyền cơ sở

Đợt 2 (từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1960), phong trào chuyển sang trạng thái tiến công

liên tục, toàn diện và có tổ chức chặt chẽ hơn, thông qua việc vận dụng thuần thực phương châm “hai chân ba mũi”. Tại các địa bàn như Mỹ Quý (quận Mỹ An) và Thiện Mỹ (quận Cao Lãnh), lực lượng vũ trang phối hợp chặt chẽ với quần chúng cách mạng tập trung bề gãy hoàn toàn khả năng tiếp tế quân sự, cô lập hệ thống đồn bốt của địch trên tuyến kinh tế huyết mạch kênh Nguyễn Văn Tiếp A bằng hệ thống chướng ngại vật và các cuộc phục kích sông nước, mở rộng vùng kiểm soát của cách mạng.

Trước đó, trong các tháng 3 và 4/1960, các hoạt động bao vây và gây áp lực liên tục đã khiến lực lượng đồn trú phải rút khỏi các bót Ngã Sáu và Ranh Làng ở huyện Mỹ An. Đến tháng 12 cùng năm, “tại ấp 5 xã Thanh Lợi, du kích mật sử dụng vũ khí thô sơ như mã tấu tập kích một tổ tuần tra, làm một người thiệt mạng và một số khác bị thương” (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tháp Mười, 2008, tr. 92). Tại xã Thanh Mỹ, phong trào tiếp tục được duy trì thông qua việc xây dựng thế trận phòng thủ tại địa phương. Người dân và du kích tổ chức đắp các chướng ngại vật trên hai nhánh sông chính (kênh Nhứt và kênh Bà Phủ) nhằm hạn chế sự di chuyển của tàu thuyền quân sự, đồng thời đào giao thông hào và xây dựng công sự trên các tuyến đường quan trọng. Song song với đó, công tác tổ chức cũng được chú trọng; số lượng đảng viên tại xã tăng lên đáng kể, đạt 82 người. Đến tháng 12/1960, theo chỉ đạo của Huyện ủy, xã thành lập Đảng ủy gồm 11 ủy viên và đồng thời hình thành các bộ phận Công an và Tài chính xã, góp phần củng cố bộ máy tổ chức tại địa phương.

Ở khu dinh điền Phước Xuyên 2, “trong các ngày 10 và 22/02/1960, lực lượng vũ trang tỉnh tiến hành các hoạt động vũ trang tuyên truyền, đồng thời bao vây và pháo kích các đồn bốt xung quanh khu vực. Đêm ngày 6/3, một phân đội vũ trang tỉnh phối hợp với cơ sở nội tuyến trong khu dinh điền Phước Xuyên tiến hành tập kích, tiêu diệt một số dân vệ” (Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tháp Mười, 2008). Tiếp đó, Đại đội 271 (thuộc Tiểu đoàn 502) phối hợp với du kích xã Thanh Lợi tổ chức phục kích một trung đội bảo an đang yểm trợ hoạt động khai hoang tại kênh Phước Xuyên. Trận đánh này giúp lực lượng cách mạng thu được một số vũ khí và phá hủy phương tiện cơ giới, làm gián đoạn kế hoạch khai hoang của phía đối phương.

Tại Hồng Ngự, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thừa nhận một cuộc khủng hoảng sâu sắc của bộ máy hành chính – an ninh cơ sở với sự phân hóa nội bộ, “tình trạng tê liệt của hội đồng xã, sự bết tắc trong quản lý tài chính cùng sự suy giảm uy tín nghiêm trọng do nạn tham nhũng, sách nhiễu của quan chức địa phương” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1960, ĐỊCH/1414). Trong tình thế đó, các đội vũ trang tuyên truyền phối hợp cùng quần chúng nổi dậy đã nhảy bén tận dụng triệt để “khoảng trống quyền lực” này, lập tức phát động tiến công đập tan hệ thống kim kẹp. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bạo lực chính trị với đòn bao vây đồn bốt đã giúp cách mạng hoàn toàn làm chủ địa bàn, đưa vùng nông thôn Hồng Ngự từng bước chuyển sang trạng thái nhân dân tự quản.

Tại Cao Lãnh, sự mâu thuẫn giữa báo cáo lạc quan của chính quyền địch và thực tế phong trào đã phơi bày sự chủ quan, lạc hậu về chiến lược của bộ máy cầm quyền. Mặc dù thừa nhận “hệ thống trường ấp, hội đồng xã đang dao động và tan rã từng mảng lớn, các biện pháp đối phó của địch vẫn sa lầy vào tư duy quân sự – kỹ thuật đơn thuần thông qua việc xin tăng viện vũ khí và hỏa lực hòng cứu vãn tình thế” (Trung tâm lưu trữ quốc gia II, 1960, ĐỊCH/1414). Ngược lại với âm mưu của chính quyền địa phương, phong trào Đồng khởi tại Cao Lãnh đã chủ động áp sát và phát triển mạnh mẽ ngay tại các vùng ven thị xã. Bằng phương châm kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, binh vận và hoạt động xuất quỹ nhập thân của du kích địa phương, quân dân Cao Lãnh đã làm tê liệt bộ máy kiểm soát của đối phương, làm đảo lộn tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng.

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên thành công của phong trào Đồng khởi ở Kiến Phong là sự kết hợp linh hoạt giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang và công tác binh vận. Ngay từ những năm 1955-1956, Tỉnh ủy Kiến

Phong trào đã chủ động xây dựng lực lượng vũ trang dưới danh nghĩa các giáo phái như Hoà Hảo, Bình Xuyên nhằm bảo toàn lực lượng trước sự khủng bố của đối phương. Sự phối hợp này đã giúp phong trào vừa mở rộng phạm vi ảnh hưởng, vừa từng bước phá vỡ hệ thống kìm kẹp ở nông thôn. Tính đến cuối năm 1960, tại tỉnh Kiến Phong đã có “7 xã được giải phóng hoàn toàn và 12 xã được giải phóng cơ bản” (Thái, 2014). Lực lượng vũ trang phát triển nhanh chóng, tiêu biểu như Tiểu đoàn 502 với khoảng 400 chiến sĩ, đồng thời hệ thống du kích được xây dựng rộng khắp ở các xã. Đặc biệt, khi bộ máy tề xã, tề ấp từng bước tan rã, quần chúng nhân dân đã thiết lập các hình thức chính quyền cách mạng tự quản, chuyển từ thế đấu tranh sang thế làm chủ ở nhiều địa bàn nông thôn.

Phong trào Đồng khởi ở Kiến Phong mang những đặc điểm riêng so với nhiều địa phương khác ở Nam Bộ. Nếu tại Bến Tre, phong trào phát triển mạnh theo hướng nổi dậy đồng loạt trên diện rộng, thì tại Kiến Phong, phong trào diễn ra theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, binh vận và hoạt động hỗ trợ của lực lượng vũ trang trong điều kiện địa bàn rộng, nhiều kênh rạch và hệ thống kiểm soát của chính quyền Sài Gòn còn tương đối mạnh. Điều này khiến phong trào ở Kiến Phong phát triển từng bước, từ các xã điểm đến mở rộng phạm vi ảnh hưởng sang nhiều địa bàn lân cận.

Một nét đáng chú ý khác là vai trò của quần chúng nhân dân trong quá trình phá thế kìm kẹp ở cơ sở. Thông qua các hoạt động mít tinh, biểu tình, bao vây đồn bót, phá bảng tố cộng và đấu tranh trực diện với chính quyền xã, ấp, quần chúng đã từng bước làm suy giảm hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền địa phương, tạo điều kiện để lực lượng cách mạng mở rộng vùng hoạt động và xây dựng cơ sở chính trị tại nông thôn.

Có thể thấy rằng, phong trào Đồng khởi Đồng Tháp đã tạo ra những tác động chính trị sâu sắc. Trước hết, phong trào đã làm lung lay tận gốc hệ thống cai trị của chính quyền Việt Nam Cộng hòa tại nông thôn, góp phần làm phá sản nhiều chính sách kiểm soát của đối phương. Ngoài ra, thắng lợi này hoà vào cao trào Đồng khởi trên toàn miền Nam, trở thành một trong những tiền đề trực tiếp dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (20/12/1960), qua đó đã đánh dấu bước chuyển của cách mạng miền Nam sang thế tiến công. Đặc biệt hơn là phong trào này đã khơi dậy mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của quần chúng, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tạo nên một làn sóng cách mạng lan rộng khắp Đồng bằng sông Cửu Long. Phong trào Đồng khởi không chỉ là sự bùng nổ nhất thời, đây là kết quả của quá trình chuẩn bị lâu dài, phản ánh sự chủ động, sáng tạo và bản lĩnh của Đảng bộ địa phương trong việc vận dụng đường lối cách mạng vào thực tiễn. Qua đó, phong trào đã góp phần quan trọng làm thay đổi tương quan lực lượng ở nông thôn miền Nam và mở ra một giai đoạn phát triển mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

3. Kết luận

Trong bối cảnh Mỹ – Diệm áp đặt một hệ thống đàn áp toàn diện, từ chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, Luật 10/59 với việc sử dụng máy chém và khủng bố công khai, song song với các biện pháp bình định như khu trừ mật, khu dinh điền và việc thực thi Dự số 57 nhằm tước đoạt đất đai, đời sống nông dân bị đẩy vào tình thế bế tắc. Những hành động tàn bạo như thảm sát Bình Thành hay âm mưu bóc lột cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã đẩy lòng căm thù của quần chúng lên đến đỉnh điểm. Khi Nghị quyết 15 ra đời, đã soi sáng tinh thần cách mạng của lực lượng cách mạng cũng như nhân dân Đồng Tháp, tạo nên một tình thế cách mạng chín muồi, thúc đẩy nhân dân Đồng Tháp chuyển từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang kết hợp đấu tranh vũ trang để tự bảo vệ mình và phá vỡ hệ thống kìm kẹp của đối phương. Có thể xem trận Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung là một biểu hiện sớm của quá trình chuyển hóa dẫn tới Đồng Khởi, khi các yếu tố về lực lượng, phương thức đấu tranh và tâm thế chính trị bắt đầu hội tụ, dù chưa đạt tới mức độ bùng nổ đồng loạt như đầu năm 1960. Không chỉ mang ý nghĩa quân sự, trận đánh còn khẳng định khả năng tổ chức và phối hợp của lực lượng cách mạng địa phương, tận

dụng hiệu quả yếu tố địa hình, kinh nghiệm chiến đấu và sự hỗ trợ của quần chúng. Quan trọng hơn, thắng lợi này tạo ra tác động tâm lý tích cực cho lực lượng cách mạng, đồng thời bộc lộ những khó khăn của chính quyền Sài Gòn trong kiểm soát vùng nông thôn Đồng Tháp Mười.

Phong trào Đồng khởi tại Kiến Phong đã làm thay đổi đáng kể cục diện ở nông thôn, khi chính quyền cơ sở tại nhiều nơi lâm vào tình trạng suy yếu hoặc tê liệt, các trường ấp - xã không còn khả năng quản lý và duy trì các hoạt động như trước khi Đồng khởi diễn ra. Đến cuối năm 1960, một số xã đã nằm dưới sự kiểm soát gần như hoàn toàn của lực lượng cách mạng, trong khi nhiều khu vực khác xuất hiện trạng thái “tranh chấp quyền lực” giữa hai phía. Bên cạnh đó, phong trào còn góp phần mở rộng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang tại địa phương. Với sự thành công của chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung, Tiểu đoàn 502 đã trở thành cái tên tiêu biểu được Liên Tỉnh ủy Trung Nam Bộ cho “các tỉnh lấy tên Tiểu đoàn 502 trong hoạt động vũ trang, bởi vì sau trận thắng Gò Quản Cung của Tiểu đoàn 502 khiến Mỹ - Diệm phải khiếp sợ” (Bùi, 2017, tr. 79). Chính vì vậy, chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quản Cung giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong tiến trình chuyển biến chiến lược của cách mạng miền Nam từ thế phòng ngự sang thế tiến công.

Ở góc độ lịch sử địa phương, Đồng khởi Kiến Phong phản ánh khá rõ khả năng vận dụng linh hoạt đường lối cách mạng vào điều kiện cụ thể của từng địa bàn. Không phát triển theo mô hình hoàn toàn giống Bến Tre hay các tỉnh miền Đông Nam Bộ, phong trào tại Kiến Phong mang dấu ấn riêng của một vùng sông nước rộng lớn, nơi đấu tranh chính trị, binh vận và hoạt động vũ trang hỗ trợ gắn bó chặt chẽ với nhau. Xa hơn, phong trào này còn góp phần vào sự chuyển biến chung của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế chủ động tiến công. Sự phát triển của phong trào ở Kiến Phong cùng với nhiều địa phương khác đã tạo nên cơ sở thực tiễn quan trọng cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng thời mở ra một giai đoạn mới trong cuộc xung đột ở miền Nam Việt Nam những năm sau đó.

Nếu Đồng khởi Bến Tre nổi bật với cuộc nổi dậy tại ba xã diêm ở huyện Mỏ Cày vào tháng 01/1960 và nhanh chóng bùng nổ trên toàn tỉnh, trở thành ngọn cờ đầu của phong trào cách mạng miền Nam, thì Kiến Phong đã sớm có những bước đi mang tính chủ động, thể hiện ở việc đi trước một bước trong chuyển hướng đấu tranh từ năm 1959, thông qua các hoạt động vũ trang nhằm tạo thế cho quần chúng nổi dậy, đồng thời kết hợp với việc đánh phá các chương trình binh định kinh tế của chính quyền Sài Gòn. Cả hai địa phương đều vận dụng linh hoạt nghệ thuật “hai chân, ba mũi” của cách mạng miền Nam. Không chỉ chịu ảnh hưởng từ cao trào chung, thắng lợi tại Kiến Phong còn cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn quan trọng cho Khu ủy Khu 8, góp phần vào quyết định phát động phong trào Đồng khởi đồng loạt trên toàn vùng Trung Nam Bộ vào ngày 15/01/1960 - trùng với thời điểm cao trào bùng nổ tại Bến Tre. Mặc dù không đạt mức lan rộng như Đồng khởi Bến Tre, nhưng phong trào Đồng khởi tại Kiến Phong đã thể hiện rõ tinh thần của Nghị quyết 15 cùng với sự sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Kiến Phong trong việc lựa chọn nhiều hình thức đấu tranh để tự giải phóng. Phong trào Kiến Phong giữ vị trí đặc biệt trong tiến trình cách mạng nhờ sự khởi phát sớm, bám rễ sâu và tác động trực tiếp đến tinh thần cũng như chiến lược binh định của Mỹ - Diệm.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Tháp Mười. (2008). *Lịch sử truyền thống cách mạng huyện Tháp Mười (1930-2000)*.
- Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (2020). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, Tập II (1954-1975)*. Hà Nội: Chính trị quốc gia sự thật.
- Ban chấp hành Đảng bộ Thanh Bình. (1999). *Lịch sử truyền thống - cách mạng xã Tân Phú huyện Thanh Bình (1930-1975)*. Ban Tuyên giáo Huyện ủy Thanh Bình.

- Bùi, T. H. (2017). *Phong trào Đồng Khởi (1959-1960) trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*. Công an Nhân dân.
- Cao, V. L., Phạm, Q. T., & Quỳnh, C. (1981). *Tìm hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: Khoa học xã hội.
- Đảng uỷ huyện Tam Nông. (2007). *Lịch sử truyền thống & cách mạng huyện Tam Nông (Thế kỉ XVIII - 1975)*. Ban Tuyên giáo Huyện uỷ Tam Nông.
- Thái, V. T. (2014). Quá trình giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở tỉnh Kiến Phong giai đoạn 1954-1960. *Khoa học ĐHSPTPHCM*, 55.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1957, ĐICH/4539). Phong trào đấu tranh ruộng đất ở quận Cao Lãnh. *Tin tức tỉnh Kiến Phong*, 42.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1959, ĐICH/319). *Nguyệt kỳ tháng 2 năm 1959*. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1959, ĐICH/319). *Nguyệt trình tháng 9 năm 1959*. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm lưu trữ quốc gia II. (1960, ĐICH/1414). *Biên bản họp tại phòng ông Tỉnh trưởng tỉnh Kiến Phong*. Hồ Chí Minh.
- Võ, H. N. (2012). *Lịch sử truyền thống và cách mạng thị xã Cao Lãnh*. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cao Lãnh.